

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày 27-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý, ông Lương Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (kết nối với điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh B), Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 93/2024/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; con ông Nguyễn Văn T và con bà Nguyễn Thị C; vợ là Nguyễn Thị H; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại điểm cầu trực tuyến Trại tạm giam).

** Bị hại: Chị Nguyễn Thị Hải H1, sinh năm 2006 (vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu, đã bị tòa án xét xử nhiều lần. Sau khi chấp hành án xong trở về địa phương, Đ không có công ăn việc làm ổn định. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/6/2024, Đại từ nhà đi xe mô tô biển kiểm soát 98B3 - 616.12 đến thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giải quyết công việc cá nhân. Khi đi đến khu vực cổng nhà chị Nguyễn Thị Hải H1 ở thôn L, xã Y, huyện Y, Đ thấy cổng nhà chị H1 mở, nên Đ đỗ xe ở ngoài, đi bộ vào trong sân để hỏi thăm nhà người quen. Khi vào trong sân, Đ thấy cửa nhà không khóa, nên Đ đi vào trong nhà đi đến phòng ngủ tại tầng một thì phát hiện thấy trên bàn trong phòng ngủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng đang cắm sạc, Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại rồi đi đến trộm cắp chiếc điện thoại cất giấu vào trong túi quần rồi đi ra lấy xe mô tô đi về nhà cất giấu.

Sau khi phát hiện chiếc điện thoại bị trộm cắp, chị Nguyễn Thị Hải H1 đã làm đơn trình báo.

Biết hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện đang bị điều tra, ngày 01/7/2024 Đ đến Công an xã Y, huyện Y đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại đã trộm cắp của chị H1; 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B3-616.12; 01 chiếc mũ còi màu xanh phía trước có gắn hình ngôi sao trên nền đỏ; 01 chiếc kính đêm màu đen, 01 chiếc áo dài tay vải bò màu xanh, 01 chiếc quần dài vải bò màu xanh, 01 đôi giày da màu đen cỡ 41 là phương tiện và trang phục Đ sử dụng khi thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại của chị H1 ngày 30/6/2024.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 31 ngày 05/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: Trị giá chiếc điện thoại Đại trộm cắp của chị H1 là 2.500.000 đồng.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 91/CT-VKSYD ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công khai lời khai của người này có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-616.12. Anh không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Nguyễn Văn Đại T2 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/7/2024.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ cối màu xanh phía trước có gắn hình ngôi sao trên nền đỏ, 01 chiếc kính đêm màu đen, 01 chiếc áo dài tay vải bò màu xanh, 01 chiếc quần dài vải bò màu xanh, 01 đôi giày da màu đen cỡ 41.

* Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phần tranh luận: Bị cáo đề nghị được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị đưa ra xét xử và bị kết án tù giam. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị, không đồng ý với ý kiến của bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và đời sống xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố

tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Theo các tài liệu điều tra, thu thập trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 18 giờ ngày 30/6/2024, Nguyễn Văn Đ có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng của chị Nguyễn Thị Hải H1, sinh năm 2006, trú tại thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trị giá tài sản trộm cắp là 2.500.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng bị thu giữ cùng các tài liệu và chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu sài bằng con đường bất chính nên vẫn cố tình thực hiện. Cáo trạng số 91/CT-VKSYD ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

* Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án tù giam nhưng không biết lấy đó là những bài học cho bản thân, không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn tiếp tục thực hành phạm tội. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo. Vì vậy cần xử lý nghiêm, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội

một thời gian nhất định mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo để trở thành người biết tuân thủ pháp luật, có ích cho gia đình và cộng đồng như đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7] Đối với các vấn đề khác.

Đối với việc anh Nguyễn Văn T1 cho bị cáo mượn mô tô biển kiểm soát 98B3-616.12, nhưng anh T1 không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô này để thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh T1 và không xem xét, xử lý trách nhiệm đối với anh T1 là có căn cứ do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo gồm: 01 chiếc mũ cối màu xanh phía trước có gắn hình ngôi sao trên nền đỏ, 01 chiếc kính đêm màu đen, 01 chiếc áo dài tay vải bò màu xanh, 01 chiếc quần dài vải bò màu xanh, 01 đôi giày da màu đen cỡ 41. Vật chứng không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu được nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ cối màu xanh phía trước có gắn hình ngôi sao trên nền đỏ, 01 chiếc kính đêm màu đen, 01 chiếc áo dài tay vải bò màu xanh, 01 chiếc quần dài vải bò màu xanh, 01 đôi giày da màu đen cỡ 41.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, BG;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn